

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2023

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa và ông Nguyễn Văn Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2023, về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 22 ngày 14/7/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01 ngày 21/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: KDC số 3, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: KDC C, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Ông Hà Văn C- sinh năm 1951.

Địa chỉ: KDC C, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

+ Anh Vũ Tiến H1- sinh năm 2000.

+ Anh Vũ Hải H2- sinh năm 2002.

Địa chỉ: KDC số 3, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn anh Vũ Xuân N trình bày: Anh N và chị Hà Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết tổ chức đăng ký tại UBND thị trấn P (nay là phường P) ngày 27/3/2000, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị H về nhà anh N chung sống. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì nảy sinh mâu. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng cùng đi lao động tại nước ngoài, không sống gần nhau nên tình cảm phai nhạt, cuộc sống căng thẳng. Đầu năm 2022 thì chị H chủ động chuyển khẩu từ P về nhà đẻ tại C và sống ly thân với anh N. Anh N đã chủ động liên hệ đón chị H về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vì vậy anh N có yêu cầu xin được ly hôn với chị Hà Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tiến H1- sinh năm 2000 và Vũ Hải H2- sinh năm 2002. Hiện các cháu đều đã đủ 18 tuổi và không có nhược điểm về thể chất và tâm thần cũng như đang ở trên nhà đất của chị H và anh N nên không phải giải quyết.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án nên anh N có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, sớm đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn chị Hà Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố ý không đến Tòa án làm việc, có quan điểm và ý kiến đối với vụ án gửi cho Tòa án qua đường bưu điện, thể hiện: Chị H và anh N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND thị trấn P (nay là phường P) ngày 27/3/2000, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị H về nhà anh N chung sống. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Vì thương các con nên vợ chồng vẫn duy trì quan hệ nhưng không còn tình cảm, nhiều năm sống xa nhau. Năm 2022 chị đã chuyển khẩu về nhà bố mẹ đẻ ở C, C. Nay xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tiến H1- sinh năm 2000 và Vũ Hải H2- sinh năm 2002. Hiện các cháu đều đã đủ 18 tuổi nên không phải giải quyết.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Hà Thị H thông qua người thân thích là ông Hà Văn C (là bố đẻ chị H, ở chung nhà tại KDC C, phường C).

Chính quyền địa phương khu dân cư C, phường C đều xác định: Chị H Thị H và anh Vũ Xuân N quê ở P có đăng ký kết hôn chung sống ở nhà chồng. Đến đầu năm 2022 thì thấy chị H chuyển khẩu và về ở nhà bố đẻ là ông Hà Văn C ở khu C, phường C.

Theo Công văn số 20632/QLXNC-P5 ngày 08/8/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an: Theo thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh Hà Thị H, sinh năm 1983, CCCD số 030183020137 chưa có thông tin xuất nhập cảnh.

Người làm chứng ông Hà Văn C (là bố đẻ chị Hà Thị H, bố vợ anh Vũ Xuân N) cung cấp: Chị H và anh Vũ Xuân N người ở P được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND thị trấn P (nay là phường P) năm 2000, hai bên gia đình tổ chức cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị H về nhà anh N tại P sinh sống. Vợ chồng anh chị cơ bản không có mâu thuẫn gì lớn. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn anh N đi lao động tại Malaysia nhưng chỉ được thời gian ngắn thì về nước và đến nay chuyển nhiều nghề, còn chị H cũng phải đi lao động tại Đ gần chục năm. Do điều kiện không ở gần nhau nên chắc tình cảm có phai nhạt nên khi chị H về nước thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Năm 2022 thì chị H làm thủ tục chuyển khẩu từ nhà chồng tại P về nhà đẻ tại C và sống tại nhà đẻ, ly thân với anh N từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Việc ly hôn là quyền của chị H và anh N. Quan điểm của những người làm cha mẹ như chúng tôi luôn muốn các con đoàn tụ còn anh N và chị H mà cương quyết ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật vì cũng thấy mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân đã lâu.

Người làm chứng cháu Vũ Tiến H1 và Vũ Hải H (là con của chị H và anh N) có đơn đều trình bày xác định: Anh Vũ Xuân N và chị Hà Thị H là bố mẹ đẻ của cháu H1, cháu H2. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh N đã có mâu

thuần từ năm 2008, nhưng vì thương các con nên vẫn duy trì quan hệ vợ chồng. Nay các con đều đã đủ 18 tuổi thành niên, quan hệ giữa anh N với chị H không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị H, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

Bị đơn chị H vắng mặt không lý do.

Người làm chứng: Ông Hà Văn C có mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Xuân N ly hôn chị Hà Thị H. Về quan hệ con chung, công sức, tài sản, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc anh Vũ Xuân N chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn chị Hà Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu dân cư Cổ Châu, phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

Bị đơn chị Hà Thị H có mặt tại nơi cư trú, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có đơn gửi cho Tòa án; người làm chứng cháu H1 và H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có đơn gửi cho Tòa án. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Xuân N và chị Hà Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết tổ chức đăng ký tại UBND thị trấn P (nay là phường P) ngày 27/3/2000, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N chị H thấy rằng: Từ khi kết hôn năm 2000, vợ chồng cơ bản hòa thuận không có mâu thuẫn lớn. Đến năm 2010 mới nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống; do điều kiện vợ chồng sống cách xa nhau nên tình cảm phai nhạt; đầu năm 2022 chị H đã chuyển khẩu và về nhà để sống ly thân với anh N. Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H tuy vẫn duy trì nhưng không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Xuân N xin ly hôn với chị Hà Thị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tiến H1- sinh năm 2000 và Vũ Hải H2- sinh năm 2002. Hiện cả 02 con đều đã thành niên trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi hoặc mất khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên không phải giải quyết.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Vũ Xuân N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Xuân N ly hôn chị Hà Thị H.

2. Về con chung: Không phải giải quyết.

3. Về tài sản, công sức, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Vũ Xuân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003852, ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Phả Lại (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách